

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 04-7-2023
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hải

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Đắc Tạo

Ông Thượng Quang Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 7 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2023/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXX-ST ngày 12 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đàm Thị H, sinh năm 1988. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 1, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước

- Bị đơn: Anh Trần Khắc S, sinh năm 1986. Vắng mặt

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 1, xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 22/02/2023, nguyên đơn chị Đàm Thị H trình bày:

Chị H với anh S tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 2010 nhưng đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước, có tổ chức lễ cưới theo phong tục. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được 06

năm, đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh S có quan hệ tình cảm với người khác, không chăm lo cho gia đình, con cái. Sau đó anh S nói đi làm khoảng 02 tuần thì về nhưng đi luôn không về nhà từ năm 2016 cho đến nay. Chị H thấy cuộc sống hôn nhân không có sự gần gũi, chăm sóc nhau nên đề nghị được ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung tên là Trần Thành P, sinh ngày 11/7/2012 và Trần Thị Thúy T, sinh ngày 10/8/2015. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có vay nợ của ai cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa làm việc nên không thu thập được ý kiến của anh S.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tại phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Tòa án đã thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa đã thừa hiện đầy đủ, đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị H ly hôn với anh S, giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh S cư trú tại xã M, huyện H, tỉnh Bình Phước. Tòa án xác định đây là vụ án về ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Chị H, anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt, chị H có đơn xin vắng mặt, anh S vắng mặt không lý do. Tòa án quyết định giải quyết vắng mặt anh S, chị H theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự,

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của chị H thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn, biên bản xác minh ngày 19/4/2023 thấy rằng: Chị H và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước vào năm 2011. Đây là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H thì hai vợ chồng sống hạnh phúc được 06 năm đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do anh S có quan hệ tình cảm với người, bỏ đi không còn chung sống với chị H từ năm 2016 cho đến nay, không có sự quan tâm, chăm sóc nhau. Như vậy, mâu thuẫn giữa các bên đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, không cần thiết kéo dài cuộc hôn nhân này. Yêu cầu của chị H về ly hôn là có căn cứ, được chấp nhận.

Về con chung: Chị H và anh S có 02 con chung tên là Trần Thành P, sinh ngày 11/7/2012 và Trần Thị Thúy T, sinh ngày 10/8/2015. Từ năm 2016 cho đến nay, 02 con chung ở với chị H, do chị H chăm sóc và đều có nguyện vọng muốn ở với chị H, anh S hiện không có mặt tại địa phương, không thể hiện có nguyện vọng muốn nuôi con. Vì vậy, để đảm bảo cho việc chăm sóc và phát triển của con chung, cần giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí:

Nguyên đơn chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

[2]. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đàm Thị H và anh Trần Khắc S.

Giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 30/10/2011 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Phước hết hiệu lực pháp luật khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Giao 02 con chung Trần Thành P, sinh ngày 11/7/2012 và Trần Thị Thúy T, sinh ngày 10/8/2015 cho chị Đàm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

Về nợ chung: Đương sự khai không có nên không xem xét giải quyết

5. Về án phí: Chị Đàm Thị H phải chịu án phí hôn nhân là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0014388 ngày 06/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Nơi cấp GCN kết hôn
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Minh Hải